

VAI TRÒ NHÀ NƯỚC TRONG PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

PGS. TS Phạm Văn Dũng*

Giới thiệu

Phát triển bền vững đang là đòi hỏi bức xúc đối với mỗi quốc gia cũng như mỗi địa phương. Là Thủ đô nghìn năm tuổi, phát triển kinh tế bền vững của Hà Nội có ý nghĩa trên nhiều phương diện.

Để phát triển kinh tế bền vững, Nhà nước Trung ương và chính quyền địa phương phải giải quyết hàng loạt vấn đề: kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường... Nhờ đó, trong những năm qua, Hà Nội đã đạt được những thành tựu đáng kể trong phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, kinh tế Hà Nội phát triển chưa thật bền vững: cơ cấu kinh tế lạc hậu, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp; nhiều vấn đề xã hội và môi trường gây bức xúc cho người dân... Bởi vậy, Đảng, Nhà nước ta và chính quyền thành phố Hà Nội cần thực thi hàng loạt giải pháp để kinh tế Thủ đô phát triển bền vững. Những giải pháp này vừa phải phù hợp với xu thế phát triển chung của đất nước và thế giới, vừa phải phù hợp với những tiềm năng, lợi thế và vị thế của Thủ đô.

1. Phát triển bền vững và vai trò Nhà nước

Khái niệm phát triển bền vững do Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên (IUCN) đưa ra vào đầu thập niên tám mươi của thế kỷ XX được nhiều tổ chức quốc tế sử dụng và tiếp tục nghiên cứu bổ sung và hoàn thiện. Đến Hội nghị Thượng đỉnh Thế giới về Phát triển Bền vững ở Johannesburg (Cộng hoà Nam Phi) năm 2002, khái niệm phát triển bền vững được làm rõ hơn, theo đó, *phát triển bền vững là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế, cải thiện các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường*. Nói cách khác, phát triển bền vững phải dựa trên ba trụ cột: bền vững về kinh tế, về xã hội và môi trường.

Bền vững về kinh tế đòi hỏi trước hết, tăng trưởng tương đối cao và ổn định. Tuy nhiên, kinh tế thị trường lại phát triển theo chu kỳ, sau một thời kỳ tăng trưởng nhanh nền kinh tế lại rơi vào suy thoái, thậm chí khủng hoảng, tức là kinh tế thị trường mang

* Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

tính bất ổn định. Để bảo đảm tính bền vững, Nhà nước phải có chính sách nhằm đáp ứng ba yêu cầu cơ bản: 1) Duy trì mức tăng trưởng tương đối cao. 2) Tăng trưởng kinh tế mang tính ổn định. Tính ổn định của tăng trưởng vừa thể hiện năng lực sản xuất ổn định, khả năng bảo đảm nguồn lực cho tăng trưởng và khả năng chống chịu được với những biến động bên trong và bên ngoài nền kinh tế. 3) Nâng cao chất lượng tăng trưởng, tức là tăng trưởng theo chiều sâu, dựa vào nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Bền vững về xã hội đòi hỏi phải tạo nhiều việc làm cho người dân vì việc làm đem lại thu nhập - điều kiện cần để người dân có phương tiện mở rộng cơ hội lựa chọn và nâng cao năng lực lựa chọn của mình. Ở nhiều nước, tăng trưởng kinh tế rất thấp nên đương nhiên ít có cơ hội mở rộng việc làm. Nhưng ngay cả những nước tăng trưởng kinh tế nhanh hơn thì cũng không chắc chắn là sẽ có thêm nhiều việc làm. Vì vậy, các cơ hội việc làm phụ thuộc không nhỏ vào các chiến lược và chính sách tăng trưởng của Nhà nước. Bền vững về xã hội còn đòi hỏi phải nỗ lực xoá đói giảm nghèo, phát triển văn hoá, y tế, giáo dục, thể dục thể thao; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội...

Ngoài nguy cơ thất nghiệp, người dân còn phải đối phó với sự bất an đến từ nhiều nguồn khác nhau như trật tự, an toàn xã hội; dịch bệnh; chiến tranh... Những nhân tố này có thể tác động trực tiếp đến năng lực và môi trường làm việc của người dân, trực tiếp đến cơ hội việc làm và chất lượng cuộc sống của họ, đồng thời có thể làm cho nền sản xuất bị ngừng trệ, thậm chí bị khủng hoảng nghiêm trọng. Bởi vậy, để phát triển bền vững, Nhà nước phải củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội...

Bền vững về môi trường đòi hỏi phát triển kinh tế phải gắn với sử dụng hiệu quả, bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường sinh thái. Do vậy, tăng trưởng kinh tế bền vững không thể dựa chủ yếu vào khai thác tài nguyên, xuất khẩu nguyên liệu và sản phẩm sơ chế, mà cần gắn với quá trình giảm tiêu hao nguyên, nhiên liệu, giảm chi phí trung gian, tăng tỷ trọng các yếu tố phi vật thể trong giá thành sản phẩm, tăng giá trị gia tăng trong sản phẩm... Phát triển kinh tế phải gắn với bảo vệ rừng và trồng rừng, bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thay thế nguyên, nhiên liệu truyền thống bằng nguyên, nhiên liệu mới; đổi mới công nghệ theo hướng sản xuất phải thân thiện với môi trường, kiểm soát ô nhiễm. Tăng trưởng kinh tế nhằm phục vụ lợi ích của thể hệ hiện tại không được làm xói mòn các cơ hội tăng trưởng và phát triển của thế hệ tương lai. Theo ý nghĩa này, tăng trưởng kinh tế nhanh đi kèm với sự gia tăng ô nhiễm môi trường, sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên là một quá trình tăng trưởng không có tương lai, không bền vững. Vượt ra ngoài khuôn khổ của vấn đề môi trường, các thể hệ hiện tại còn phải lường trước được những thách thức khác mà thế hệ tương lai phải gánh chịu.

Do theo đuổi lợi nhuận, các doanh nghiệp thường không quan tâm đầy đủ đến việc bảo vệ tài nguyên và môi trường. Ngay cả quá trình phát triển xã hội: nâng cao thu nhập cho người dân, công nghiệp hoá, đô thị hoá... cũng làm gia tăng nguy cơ cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường. Bởi vậy, Nhà nước có vai trò hết sức to lớn trong việc giảm thiểu những nguy cơ này.

Với vị thế là một trong ba đỉnh của tam giác tăng trưởng thuộc vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Hồng, là Thủ đô của Việt Nam, sự phát triển bền vững của Hà Nội sẽ lan toả mạnh mẽ đến vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Hồng và các vùng, địa phương khác. Bởi vậy, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của Hà Nội là nghĩa vụ của toàn dân, nhưng trước hết vẫn là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và chính quyền thành phố Hà Nội.

2. Vai trò Nhà nước trong phát triển Thủ đô theo hướng bền vững trong những năm qua

Trong thời kỳ Đổi mới, hàng loạt cơ chế, chính sách của Nhà nước và của chính quyền thành phố đã được ban hành, tạo điều kiện cho Hà Nội phát triển nhanh và bền vững: chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, phát triển kinh tế nhiều thành phần; mở cửa, hội nhập; xây dựng môi trường pháp luật theo hướng thông thoáng, phù hợp thông lệ quốc tế, xây dựng và ban hành Pháp lệnh Thủ đô... Nhờ đó, đất nước nói chung và Hà Nội nói riêng từng bước dân chủ hoá đời sống chính trị, xã hội; đẩy nhanh tích lũy các nguồn lực; xây dựng cấu trúc nền kinh tế thị trường mang tính đồng bộ... Đó là những tiền đề quan trọng cho phát triển nhanh và bền vững.

Trong những năm qua, Hà Nội đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế nhanh của đất nước.

Bảng 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả nước và Hà Nội (%)

	2006	2007	2008	2009
Cả nước*	8,23	8,46	6,18	6,23
Hà Nội**	12,2	12,5	10,7	6,7

*Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê 2009*, NXB Thống kê, Hà Nội, 2010

**Cục Thống kê Hà Nội, *Niên giám thống kê 2009*, Hà Nội, tháng 5/2010, tr.62 (tính theo Hà Nội mở rộng).

Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Hà Nội luôn cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế của cả nước. Cùng với Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội đã trở thành đầu tàu tăng trưởng kinh tế của đất nước. Cơ cấu kinh tế của Hà Nội đã có những thay đổi tích cực. Bên cạnh khu vực kinh tế truyền thống, khu vực kinh tế hiện đại đã xuất hiện và có vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế Thủ đô và đất nước. Đó là những doanh nghiệp lớn, hiện đại, sản xuất những sản phẩm cao cấp: xe hơi, máy tính, máy ảnh, thiết bị y tế... Các ngành dịch vụ cao cấp: viễn thông, tài chính... đã hình thành.

Chính quyền thành phố Hà Nội đã xây dựng và ban hành hàng loạt cơ chế, chính sách về thủ tục đầu tư các dự án trong nước và ngoài nước; về phát triển thị trường nội địa; các quy định cụ thể liên quan đến xã hội hoá đầu tư và hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các doanh nghiệp. Các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách mới và các thủ tục hành chính của thành phố đều được công khai kịp thời trên Cổng giao tiếp điện tử của thành phố và các trang web của các sở, ban, ngành.

Bảng 2: Lao động chưa có việc làm và đã được giải quyết việc làm khu vực thành thị

Đơn vị: người

	2005	2006	2007	2008	2009
I. Số người được giải quyết việc làm	57.074	60.238	63.000	66.027	67.215
- Việc làm ổn định	30.712	32.966	33.976	35.569	36.005
- Việc làm tạm thời	26.362	27.272	29.024	30.458	31.210
II. Số người đăng ký tìm việc làm	55.615	58.038	62.511	55.249	56.964

Cục Thống kê Hà Nội, *Niên giám thống kê 2009*, Hà Nội, tháng 5/2010, tr.49 (tính theo Hà Nội mở rộng).

Chính quyền thành phố cũng rất quan tâm giải quyết việc làm cho người lao động và đạt được những thành tựu rất đáng khích lệ. Nhờ đó, tỷ lệ thất nghiệp ở Thủ đô tương đối thấp.

Chính quyền thành phố luôn quan tâm đến bảo vệ môi trường. Ở các khu công nghiệp lớn, các cơ quan chức năng của thành phố đều đặt ra yêu cầu với các ban quản lý và các doanh nghiệp về xử lý nước thải, khí thải. Bên cạnh việc huy động các nguồn lực của doanh nghiệp, chính quyền thành phố đã có những đầu tư nhất định để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường. Mặc dù còn rất nhiều vấn đề cần được tiếp tục giải quyết nhưng rõ ràng là Nhà nước Trung ương và chính quyền địa phương đã có vai trò quan trọng trong việc ngăn chặn tốc độ gia tăng ô nhiễm môi trường. Vấn đề môi trường được quan tâm cả trước mắt và lâu dài: xây dựng quy hoạch thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn và triển khai thông qua dự án thoát nước nhằm cải tạo môi trường giai đoạn 1 và 2; xây dựng quy hoạch xử lý chất thải rắn; xây dựng và hoàn chỉnh Quy hoạch tổng thể môi trường của thành phố Hà Nội; chính quyền thành phố đang phối hợp với Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi Khí hậu - Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng Đề án lập bản đồ nhằm khắc phục tình trạng ngập lụt trên địa bàn thành phố Hà Nội; chỉ đạo xây dựng, phát triển và quản lý hệ thống cây xanh đô thị, công viên, vườn hoa, vườn thú trên địa bàn thành phố.

Trong thời kỳ 2007 - 2009, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của Hà Nội đã có sự tiến bộ, đứng thứ 25/64, tăng 13 bậc so với năm 2006 (năm 2006 Hà Nội xếp vị trí 38/64; năm 2007 - 27/64; năm 2008 giảm 4 bậc xuống vị trí 31/64 tỉnh, thành¹).

Bên cạnh những thành tựu, quá trình phát triển của Hà Nội còn nhiều biểu hiện chưa thật bền vững. Điều đó biểu hiện tập trung ở chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh². Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm đồng bằng sông Hồng, là Thủ đô của cả nước, Hà Nội có rất nhiều lợi thế trong quá trình phát triển. Trước hết, điều kiện tự nhiên tương đối thuận lợi, ít thiên tai; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của Hà Nội được xây dựng tương đối đồng bộ, hiện đại, chất lượng cao hơn nhiều địa phương khác. Hà Nội là trung tâm khoa học - công nghệ của cả nước; có hàng chục trường đại học, hàng trăm trường cao đẳng và dạy nghề. Với hơn 6,4 triệu dân, Hà Nội còn là thị trường tiềm năng về nhiều phương diện.

“Chỉ số cạnh tranh của Hà Nội thấp là không oan”

Theo Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội Nguyễn Thế Thảo, vị trí của Hà Nội trong bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh các tỉnh là không “oan” khi đối chiếu với lợi thế. Ông Thảo cũng thẳng thắn cho rằng, độ nhạy của chính quyền và doanh nghiệp Hà Nội chưa cao.

Trong buổi gặp gỡ với các doanh nghiệp trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Nguyễn Thế Thảo thẳng thắn cho rằng, lãnh đạo các tỉnh khác “thèm” lợi thế của Hà Nội và thực tế, các tỉnh lân cận thường tìm cách tranh thủ ảnh hưởng những lợi thế của Hà Nội để phát triển.

Tuy nhiên, Hà Nội với nhiều khả năng về đất đai, vốn, khoa học công nghệ, thị trường... nhưng lại chưa phát huy được.

<http://www.tinmoi.vn/ldquoChi-so-can-hanh-tranh-cua-Ha-Noi-thap-la-khong-oanrdquo-03141397.html>,
ngày 30/03/2010.

VAI TRÒ NHÀ NƯỚC TRONG PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ THEO HƯỚNG BỀN VỮNG

Nhờ những ưu thế của mình, Hà Nội có sức hút lớn với các nguồn vốn. Tuy tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư khá cao nhưng không ổn định. Nếu như tăng trưởng vốn đầu tư năm 2006 là 58,50% thì năm 2007 chỉ là 28,24; năm 2008 tăng lên 44,42% thì năm 2009, do tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu nên chỉ tăng 18,80%.

Bảng 3: Vốn đầu tư ở Hà Nội trong những năm qua

	2005	2006	2007	2008	2009
Tổng số (tỷ đồng)	42.384	67.180	86.153	124.426	147.815
Tốc độ tăng trưởng vốn (%)	-	58,50	28,24	44,42	18,80

Cục Thống kê Hà Nội, *Niên giám thống kê 2009*, Hà Nội, tháng 5/2010, tr.207 (tính theo Hà Nội mở rộng).

Tuy nhiên, mức tăng trưởng kinh tế của Hà Nội lại thấp hơn nhiều. Năm 2008 chỉ ở mức 10,8% và 2009 - 6,7%, chỉ cao hơn một chút so với mức tăng trưởng kinh tế bình quân của cả nước. Điều đó cho thấy, hiệu quả sử dụng vốn ở Hà Nội rất thấp.

Điều cần lưu ý thêm là tỷ trọng nguồn vốn ngoài nhà nước tăng lên và chiếm tỷ trọng khá cao nhưng nguồn vốn FDI lại hầu như không thay đổi về tỷ trọng. Như vậy, mức độ hấp dẫn của Hà Nội đối với các nhà đầu tư nước ngoài rất thấp, nhưng với các nhà đầu tư trong nước lại khá cao.

Bảng 4: Cơ cấu vốn đầu tư theo các khu vực kinh tế ở Hà Nội (%)

	2005	2006	2007	2008	2009
Vốn nhà nước	48,53	40,29	30,20	22,78	28,47
Vốn ngoài nhà nước	36,32	46,99	59,39	64,34	59,13
Vốn FDI	15,15	12,72	10,41	12,88	12,40

Cục Thống kê Hà Nội: *Niên giám thống kê 2009*, Hà Nội, tháng 5/2010, tr.208
(tính theo Hà Nội mở rộng).

Có 2 nguyên nhân chính dẫn đến hiệu quả đầu tư của Hà Nội còn thấp. Nguyên nhân thứ nhất, Hà Nội quan tâm chưa đúng mức việc đầu tư cho khoa học - công nghệ. Đánh rằng trên địa bàn Hà Nội có nhiều cơ quan khoa học của Quốc gia nhưng mức đầu tư như số liệu bảng 4 thì không thể đáp ứng yêu cầu khoa học - công nghệ của các doanh nghiệp địa phương, thấp hơn nhiều so với tỷ lệ chi của cả nước cho khoa học - công nghệ. Năm 2008, chi xây dựng cơ bản cho khoa học - công nghệ của Hà Nội là 0,022% tổng thu ngân sách Nhà nước của Hà Nội, năm 2009 - 0,027%. Đầu tư cho khoa học - công nghệ thấp nên khó có thể đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức. Chính điều này đã làm cho năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Hà Nội chỉ ở mức trung bình.

Bảng 5: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của địa phương (vốn nhà nước)

Đơn vị: tỷ đồng

	2005	2006	2007	2008	2009
Tổng số	6307	7574	7674	8616	10547
Nông nghiệp và lâm nghiệp	247	181	322	529	648
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, khí thải	749	1030	662	419	524

Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy	77	45	26	84	131
Vận tải, kho bãi	2378	3846	3304	3307	4048
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	16	-	2	16	20

Cục Thống kê Hà Nội: *Niên giám thống kê 2009*, Hà Nội, tháng 5/2010, tr.211-212 (tính theo Hà Nội mở rộng).

Với tỷ lệ đầu tư cho khoa học - công nghệ thấp như vậy, trình độ khoa học - công nghệ của Hà Nội chậm được cải thiện. Đồng thời những ngành kinh tế có hàm lượng khoa học - công nghệ cao chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Do đó, cơ cấu kinh tế của Hà Nội chậm thay đổi, suốt từ năm 2005 đến năm 2009, tỷ trọng của công nghiệp và xây dựng cũng chỉ tăng được 0,4% (từ 40,7% lên 41,1%); thậm chí khu vực dịch vụ còn giảm nhẹ về tỷ trọng (từ 53,2% năm 2000 giảm xuống 52,6% năm 2009).

Bảng 6: Cơ cấu kinh tế của Hà Nội trong những năm qua (%)

	2000	2005	2006	2007	2008	2009
Nông, lâm nghiệp, thủy sản	10,4	6,9	6,4	6,6	6,5	6,3
Công nghiệp, xây dựng	36,4	40,7	41,4	41,3	41,1	41,1
Dịch vụ	53,2	52,4	52,2	52,1	52,4	52,6

Cục Thống kê Hà Nội: *Niên giám thống kê 2009*, Hà Nội, tháng 5/2010, tr.60 (tính theo Hà Nội mở rộng).

Do cơ cấu kinh tế chậm thay đổi, các ngành dịch vụ quan trọng mặc dù đã hình thành nhưng phát triển chậm và đóng góp vào sự phát triển kinh tế địa phương còn rất hạn chế (xem bảng 6).

Bảng 7: Đóng góp của các ngành dịch vụ cao cấp trong GDP của Hà Nội (%)

	2005	2006	2007	2008	2009
Tổng số	100	100	100	100	100
Thông tin và truyền thông	9,7	9,7	10,3	10,2	10,2
Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	3,6	3,9	4,0	3,9	4,1
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	2,8	2,8	2,8	2,9	2,9

Cục Thống kê Hà Nội: *Niên giám thống kê 2009*, Hà Nội, tháng 5/2010, tr.69-70 (tính theo Hà Nội mở rộng).

Nguyên nhân thứ hai, chất lượng nguồn nhân lực của Hà Nội rất thấp: 68,87% chưa qua đào tạo. Trong số lao động đã qua đào tạo, trình độ đại học và sau đại học chỉ chiếm 15,88%³.

Mặc dù vấn đề môi trường đã được chính quyền thành phố quan tâm nhưng đây vẫn là thách thức thật sự với phát triển bền vững của Hà Nội. Theo một kết quả nghiên cứu công bố năm 2008 của Ngân hàng Thế giới, Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội là những địa bàn bị ô nhiễm nặng nhất. Tiếp đó là các địa phương Hải Phòng, Bình Dương, Đồng Nai, Thái Nguyên, Phú Thọ, Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu và Cần Thơ. Theo nghiên cứu này, các ngành gây ô nhiễm môi sinh cao nhất ở Việt Nam là ngành công nghiệp hoá

chất, chế biến và chế tạo, từ sản xuất thực phẩm như nước giải khát đến khai khoáng, kim loại, giấy và gỗ, hoặc sản xuất hàng tiêu dùng như dệt may...

Sự gia tăng nhanh chóng của dân cư cũng góp phần không nhỏ vào ô nhiễm môi trường ở các đô thị. Nước thải từ các khu dân cư, từ trường học, các cơ quan... hầu hết đều trực tiếp xả ra mà không qua xử lý. Nồng độ chất độc hại đều vượt quá mức cho phép nhiều lần. Tình trạng ô nhiễm nước nghiêm trọng nhất là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Huế, Nam Định, Hải Dương... Hệ thống thoát nước ở các đô thị (kể cả những đô thị lớn) đều không đủ khả năng tiêu nước khi mưa to kéo dài, dẫn đến úng ngập cục bộ. So với yêu cầu, hệ thống thoát nước ở Hà Nội chỉ đạt chưa đến 40%. Điều đó chứng tỏ rằng vấn đề môi trường chưa được chú ý trong quy hoạch xây dựng các vùng đô thị.

Chất thải sinh hoạt ở đô thị (trong đó có chất thải rắn) cũng góp phần đáng kể gây ô nhiễm môi trường. Do tốc độ đô thị hoá nhanh, số người tràn về đô thị đông nên chất thải sinh hoạt ngày càng nhiều. Hiện nay, hầu hết rác thải đô thị không được phân loại tại nguồn, chỉ thu gom chung rồi vận chuyển đến bãi chôn lấp. Việc thu gom rác thải cũng chỉ mới đạt khoảng trên 2/3 số rác thải. Việc tập trung rác thải đô thị cho đến nay vẫn chủ yếu là đổ dồn vào các bãi lộ thiên chưa có sự kiểm soát đầy đủ về kỹ thuật. Chất thải y tế cũng là một nguồn gây ô nhiễm nghiêm trọng ở các vùng đô thị, nhất là khả năng truyền dịch bệnh. Ước tính loại rác thải rắn y tế có khoảng 34 tấn mỗi ngày, trong đó Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh chiếm 1/3. Tuy việc phân loại rác thải rắn này đã có phần cải thiện hơn trước và đã có một số lò đốt chất thải y tế được đưa vào sử dụng, nhưng nói chung, tác động xấu của chất thải rắn y tế cũng chưa hạn chế được bao nhiêu.

Ở Hà Nội, không khí bị ô nhiễm còn do số lượng các phương tiện giao thông cơ giới tăng nhanh, đường sá bẩn và bị đào bới liên tục, bụi do hoạt động xây dựng nhà cửa và hạ tầng đô thị. Theo ước tính, mỗi ngày có khoảng 1,8 triệu lượt xe gắn máy và hai bánh lưu hành qua Thủ đô Hà Nội. Bầu khí quyển tại Hà Nội có mức benzene và sulfur dioxide đáng báo động. Một trong số chất ô nhiễm nguy hiểm nhất là những hạt bụi siêu nhỏ gọi là PM10 cũng đang ở mức báo động. Mức PM10 ở Hà Nội hiện là 80 micrograms/mét khối, gấp đôi mức Bangkok và trên mức trong bản hướng dẫn của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO). Độ ô nhiễm bụi ở hầu khắp các đô thị vượt quá tiêu chuẩn cho phép đến 2 lần, đặc biệt có nơi đến 10 lần. Ở những nút giao thông hay tắc nghẽn, nồng độ khí độc, hơi xăng dầu đã tới mức báo động. Khí nhà máy chưa khử khí độc hoặc khử chưa đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, cũng như hơi bốc của các loại chất thải nói trên, nhất là các loại rác phân huỷ vi sinh đã làm tăng thêm nồng độ vẩn đục của không khí.

Thảm cây xanh ở các đô thị bị giảm sút rõ rệt. Chỉ trong 10 năm phát triển (1986 - 1996) tại 4 quận nội thành Hà Nội cũ, diện tích cây xanh đã bị mất đến 12%. Bên cạnh đó, diện tích ao hồ bị san lấp gần 6%. Trong khi đó, số nhà tạm bợ, hoặc những nhà chiếm dụng ven sông, ven hồ lại tăng mạnh, cùng với sự tồn tại từ nhiều năm với những khu nhà ổ chuột... Tất cả những điều đó đã làm cho môi trường sống thêm giảm sút. Đặc biệt, ô nhiễm tiếng ồn cũng đang trở thành một vấn đề nghiêm trọng tại các đô thị ở Việt Nam. Tiếng ồn cũng là một tác nhân nguy hiểm có thể gây ra những căn bệnh về thính giác, thần kinh, tim mạch làm giảm tuổi thọ con người.

Đầu năm 2008, Chương trình Môi trường của Liên hiệp quốc báo cáo rằng Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh đứng đầu châu Á về mức độ ô nhiễm bụi. Hội nghị Quốc tế về Môi trường diễn ra tại Thụy Sĩ năm 2006 đã xếp Việt Nam vào nước có môi sinh kém nhất trong 8 nước Đông Nam Á. Như vậy, ô nhiễm môi trường đang là cái giá phải trả của quá

trình công nghiệp hoá và là thách thức lớn trong quá trình phát triển tiếp theo của Hà Nội và của đất nước ta.

Chính phủ và các bộ ngành, chính quyền thành phố Hà Nội hàng năm đều có kế hoạch bảo vệ môi trường như: đầu tư ngân sách, nhân lực cho các hoạt động bảo vệ môi trường, thường xuyên quan trắc và kiểm soát ô nhiễm môi trường, tiến hành thanh tra nhà nước về môi trường, mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, không ngừng giáo dục và nâng cao nhận thức cho toàn dân về bảo vệ môi trường, phát động các phong trào, các chương trình quốc gia về bảo vệ môi trường... Mặc dầu vậy, chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường vẫn chưa được phát huy đầy đủ. Sự yếu kém trong quản lý nhà nước về môi trường bộc lộ rõ ở các vấn đề sau: khi hoạch định các chương trình, dự án phát triển chưa coi trọng yếu tố bảo vệ môi trường ngang cấp quan hệ với phát triển kinh tế. Quản lý pháp luật về môi trường còn chưa nghiêm. Chưa coi trọng công cụ kinh tế trong quản lý môi trường, chưa huy động hết các lực lượng xã hội tham gia cùng Nhà nước vào các hoạt động quản lý môi trường, nhất là các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, các cộng đồng dân cư... Hệ thống cán bộ chuyên trách về bảo vệ môi trường còn thiếu và chưa có nhiều kinh nghiệm, kiến thức trong quản lý môi trường, đó là chưa kể đến có tình trạng cán bộ thiếu trách nhiệm, có biểu hiện tiêu cực trong công tác... Hoạt động giáo dục nâng cao nhận thức về môi trường còn chưa đồng bộ, toàn diện... Mặc dầu đã được chỉnh sửa nhiều lần nhưng đến nay, Luật Bảo vệ Môi trường của nước ta vẫn chưa phù hợp với thực tiễn phát triển, thiếu đồng bộ, chưa cụ thể, tính hiệu lực, hiệu quả chưa cao và thực thi chưa nghiêm minh. Việc hướng dẫn thi hành các điều khoản cụ thể trong luật, có liên quan đến từng lĩnh vực quản lý của từng bộ ngành đến nay vẫn còn bỏ ngỏ. Năng lực và hiệu lực của bộ máy làm công tác bảo vệ môi trường chưa đáp ứng yêu cầu của phát triển bền vững.

3. Một số khuyến nghị nhằm nâng cao vai trò Nhà nước, phát triển Thủ đô theo hướng bền vững

Thứ nhất, Hà Nội cần đi trước cả nước trong việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều rộng sang mô hình tăng trưởng theo chiều sâu. Trong mô hình này, Hà Nội cần đặc biệt quan tâm phát triển khoa học - công nghệ và phát triển nguồn nhân lực.

Thứ hai, Hà Nội cần coi xây dựng cơ chế, thể chế là khâu đột phá. Thiếu cơ chế, thể chế hoặc cơ chế, thể chế không phù hợp đã làm cho nhiều quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước không được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả thực hiện định hướng XHCN. Do thiếu cơ chế, thể chế, nhiều nguồn lực không được huy động hoặc sử dụng không hiệu quả; nhiều cơ quan chức năng của Nhà nước, một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức nhà nước đã không thực hiện đầy đủ chức trách của mình... Do đó, có thể coi sự thiếu hụt cơ chế, thể chế là nguyên nhân quan trọng nhất của những hạn chế trong thực hiện định hướng XHCN nên kinh tế thị trường ở nước ta những năm qua. Bởi vậy, để thực hiện tốt hơn định hướng XHCN, nền kinh tế thị trường ở nước ta những năm tới cần phải coi việc hoàn thiện cơ chế, thể chế là khâu đột phá.

Thực hiện khâu đột phá này đòi hỏi *trước hết*, phải coi cơ chế, thể chế là một phần của đường lối, các chiến lược, kế hoạch phát triển; các chủ trương, chính sách... của Đảng và Nhà nước. Việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, thể chế phải được tiến hành thường xuyên. *Hai là*, các cơ chế, thể chế phải đảm bảo mở rộng quy mô và hiệu quả sử dụng các nguồn lực nhằm thực hiện mục tiêu của các chiến lược, kế hoạch phát triển; các chủ trương, chính sách... *Ba là*, các cơ chế, thể chế phải quy định rõ và có chế tài buộc các tổ chức, cá nhân thuộc các cơ quan công quyền phải thực hiện trách nhiệm của mình.

Thứ ba, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, vai trò quản lý của Nhà nước. Trong giai đoạn hiện nay, phát triển rút ngắn là tất yếu đối với Việt Nam. Nhưng điều đó không đến tự nhiên, mà phải bằng đường lối phát triển kinh tế - xã hội đúng đắn, mô hình phát triển phù hợp, bằng các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; thông qua hàng loạt những chính sách và các giải pháp điều hành của Nhà nước... Kinh nghiệm của các nước phát triển kinh tế thị trường rút ngắn trên thế giới và thực tiễn phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam những năm qua đã minh chứng cho điều đó.

Phát triển kinh tế bền vững đòi hỏi phải giải quyết hàng loạt vấn đề: kinh tế, xã hội và môi trường. Việc giải quyết các vấn đề đó như thế nào tùy thuộc vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, vai trò quản lý của Nhà nước. Năng lực điều hành, quản lý và mức độ hoàn thiện của bộ máy nhà nước... lại phụ thuộc vào khả năng tự đổi mới của chính Nhà nước.

Trong bối cảnh hiện nay, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN còn gặp phải sự chống đối của các thế lực thù địch trong và ngoài nước với những hình thức đa dạng và tinh vi, xảo quyệt. Do vậy, *những nỗ lực chủ quan của Đảng, Nhà nước có ý nghĩa quyết định đối với thành công của công cuộc vĩ đại này*.

Những nỗ lực chủ quan phải dựa trên các quy luật kinh tế khách quan mới làm cho các nguồn lực được sử dụng hiệu quả; định hướng được nền kinh tế thị trường phát triển theo con đường XHCN. Do đó, việc nhận thức và vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế - xã hội là đòi hỏi bức thiết, là yêu cầu hàng đầu trong các hoạt động lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước.

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, quần chúng nhân dân là người sáng tạo chân chính ra lịch sử. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, Nhà nước dựa trên sự đồng thuận của người dân sẽ tạo ra sức mạnh vô địch. Nhờ hết lòng vì dân, mấy chục năm qua dân đã tin và theo Đảng; đất nước ta đã giành được thắng lợi vĩ đại trong cách mạng dân tộc dân chủ và những thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN. Ngày nay, nếu Đảng vẫn là của dân, tiếp tục vì dân thì đương nhiên, dân sẽ tiếp tục tin yêu và đi theo Đảng. Cũng vì vậy, chính quyền địa phương phải vì dân trong từng công việc cụ thể, thường ngày.

CHÚ THÍCH

- ¹ Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội: *Tình hình hội nhập kinh tế quốc tế của thành phố Hà Nội sau 3 năm Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (2007 - 2009) phương hướng, nhiệm vụ năm 2010 và các năm tiếp theo*. http://www.hanoi.gov.vn/web/guest/ktxh?p_p_id=vcmsviewcontent,30/12/2009.
- ² Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) được xác định trên cơ sở 10 tiêu chí: 1) Chính sách phát triển kinh tế tư nhân. 2) Tính minh bạch. 3) Đào tạo lao động. 4) Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo. 5) Chi phí thời gian để thực hiện quy định của Nhà nước. 6) Thiết chế pháp lý. 7) Ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước. 8) Chi phí không chính thức. 9) Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất. 10) Chi phí gia nhập thị trường.
- ³ Cục Thống kê Hà Nội, *Niên giám thống kê 2009*, Hà Nội, tháng 5/2010, tr.401, 403 (tính theo Hà Nội mở rộng).